

# THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU VÀ GIỚI THIỆU VĂN HỌC VIỆT NAM CỦA CÁC HỌC GIẢ HÀN QUỐC

## THE ACHIEVEMENTS IN RESEARCH AND INTRODUCTION OF VIETNAMESE LITERATURE BY SOUTH KOREAN SCHOLARS

*Phan Thị Thu Hiền\**

### DẪN NHẬP

Nghiên cứu văn học Việt Nam cần kết hợp cái nhìn bên trong và cái nhìn bên ngoài, chú ý hơn nữa đến đội ngũ và thành tựu của các học giả quốc tế. Điều đó không chỉ giúp chúng ta có điểm tham chiếu để đánh giá khách quan, chính xác hơn nền văn học dân tộc mà còn có thể hiểu biết và xúc tiến nghiên cứu văn học dân tộc trong bối cảnh khu vực và bối cảnh thế giới một cách toàn diện, sâu sắc hơn.

Sử dụng phương pháp hệ thống, liên ngành, báo cáo này tìm hiểu đội ngũ và thành tựu nghiên cứu văn học Việt Nam của các học giả Hàn Quốc, bước đầu đề xuất một vài gợi ý phương hướng phát huy thành tựu và tăng cường hợp tác nghiên cứu cùng đội ngũ các học giả Hàn Quốc. Tư liệu nghiên cứu chủ yếu là các dịch phẩm, các công trình nghiên cứu văn học Việt Nam của các học giả Hàn Quốc đã được xuất bản. Những thể chế, hoạt động giao lưu văn học liên quan chỉ được đề cập trong chừng mực giúp hiểu biết tốt hơn về đội ngũ học giả Hàn Quốc và thành tựu giới thiệu, nghiên cứu văn học Việt Nam của họ.

### 1. Bối cảnh và quá trình hình thành, phát triển dịch thuật và nghiên cứu văn học Việt Nam ở Hàn Quốc

#### 1.1. Bối cảnh giao lưu văn học Hàn-Việt

Cho đến hết thời trung đại hầu như không có quan hệ ngoại giao và giao lưu văn học trực tiếp giữa Korea<sup>1</sup> và Việt Nam ngoại trừ thơ văn xướng họa giữa các sứ thần hai nước gặp nhau khi cùng đi sứ Trung Hoa.

Năm 1945, bán đảo Hàn/Triều Tiên bị chia cắt thành hai nước là Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (North Korea) và Đại Hàn Dân Quốc (South Korea). Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao với Triều Tiên từ năm 1950. Sau khi Hiệp định Genève được ký kết năm 1954, đất nước ta tạm chia làm hai miền, chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc vào năm 1957. Đến năm 1992, Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới thiết lập quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc. Hơn nửa thế kỷ qua, thời gian chưa phải là dài nhưng quan hệ Việt-Hàn đã phát triển

\* Giáo sư Tiến sĩ, Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG-HCM.

<sup>1</sup> Trong bài này, chúng tôi dùng Korea để chỉ bán đảo Hàn/Triều Tiên trước khi phân chia thành hai nước Đại Hàn Dân Quốc (South Korea) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (North Korea).

nhanh chóng, đạt đến tầm đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2009, tăng cường các hợp tác trên mọi lĩnh vực. Trong đó, năm 2000, với sự thành công của làn sóng văn hóa Hàn Quốc (Hallyu/Korean Wave/Hàn lưu), sự bùng nổ của làn sóng lấy chồng Hàn Quốc, sự tăng cường đầu tư của các doanh nghiệp Hàn Quốc vào Việt Nam có thể xem là một thời điểm quan trọng đánh dấu sự phát triển vượt bậc quan hệ giao lưu Hàn-Việt so với giai đoạn trước.

## ***1.2. Quá trình hình thành, phát triển dịch thuật và nghiên cứu văn học Việt Nam ở Hàn Quốc***

Trong bối cảnh lịch sử như đã trình bày ở trên, quá trình hình thành, phát triển dịch thuật và nghiên cứu văn học Việt Nam ở Hàn Quốc có thể chia thành hai thời kỳ lớn, đánh dấu bởi cái mốc 1992.

### **(1) Trước năm 1992**

*Thứ nhất, về dịch văn học.*

Tác phẩm văn học Việt Nam đầu tiên đến với độc giả Hàn Quốc là *Việt Nam vong quốc sử* của Phan Bội Châu, có đến ba bản dịch khác nhau, xuất bản sớm nhất năm 1907. Thực trạng mất nước của Việt Nam được quan tâm như một cảnh báo nguy cấp cho triều đại phong kiến Joseon bấy giờ cũng đang trước họa xâm lăng.

Học giả Hàn Quốc quan tâm tìm hiểu Việt Nam sớm nhất là Kim Yung Kun, từ năm 1931 đến 1945 làm việc ở Viện Viễn Đông Bác cổ tại Hà Nội cùng nhiều học giả nổi tiếng người Pháp và người Việt. Những bài giới thiệu lịch sử, văn hóa Việt Nam của ông, trong đó có một số giới thiệu về tiếng Việt, thần thoại, văn học Việt Nam đã được đăng tải trên báo chí Hàn Quốc<sup>2</sup>.

Tác phẩm thứ hai được dịch và xuất bản là *Nửa chừng xuân* của Khái Hưng qua chuyển ngữ của một người lính Hàn tham chiến ở Việt Nam.

Trong những năm 80 của thế kỷ XX của phong trào đấu tranh giành dân chủ ở Hàn Quốc, đặc biệt là giai đoạn cao trào 1984-1987, bản dịch hai tác phẩm văn học Việt Nam với đề tài tranh đấu: *Áo trắng* của Nguyễn Văn Bông, *Sóng như anh* của Trần Đình Vân được xuất bản cùng năm 1986 và rất được quan tâm.

Bên cạnh đó, *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài, một số truyện ngắn hiện đại đã được dịch và xuất bản.

Tổng cộng, cho đến trước năm 1992, có 7 đầu sách dịch văn học Việt Nam được xuất bản<sup>3</sup>. Trong đó, có 1 đầu sách về văn học dân gian, 1 đầu sách văn học trung đại, 5 đầu sách

<sup>2</sup> Youn Dae Yeong: “Cuộc đời của Kim Yung Kun và việc nghiên cứu Việt Nam của ông những năm 1930-1940”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, quyển 19, số 3 năm 2009, tr.57-100. [Đ dẫn lại theo Choi Hana 2011].

<sup>3</sup> Kết quả thống kê tác phẩm văn học Việt Nam được dịch ở Hàn Quốc trong bài này dựa trên tham khảo Phụ lục của Kim Joo Young 2018, được chúng tôi bổ sung, cập nhật với thông tin từ các bài nghiên cứu liên

văn học hiện đại. Tất cả các tác phẩm được dịch đều là văn xuôi: truyền thuyết, truyện ngắn, tiểu thuyết, ký/khảo sử. Không có thơ.

*Thứ hai, về nghiên cứu*, còn rất ít ỏi. Chỉ có một bài viết của Kim Ki Tae (“Suy nghĩ về Thơ Mới”, 1972). Sách *Nhập môn văn học các nước thế giới thứ ba* của Cho Dong Il (1991) có giới thiệu văn học Việt Nam bên cạnh các nền văn học khác ở Đông Nam Á như Thái Lan, Miến Điện, Lào, Campuchia, Malaysia, Indonesia, Philippines.

## (2) Từ năm 1992 đến nay

*Thứ nhất, về dịch văn học*, có sự tăng trưởng khá rõ, nhất là từ những năm 2000. Từ 1992 đến nay, 26 đầu sách văn học Việt Nam đã được dịch và xuất bản<sup>4</sup>. Trong đó, 6 đầu sách về văn học dân gian, 6 đầu sách văn học trung đại, 14 đầu sách văn học hiện đại. Thể loại tác phẩm được dịch phong phú hơn trước, bao gồm cả văn xuôi (tiểu thuyết, truyện, ký) lẫn thơ (tổng cộng 8 đầu sách thơ và truyện thơ, trong đó, 1 đầu sách thơ ca dân gian, 4 đầu sách thơ, truyện thơ trung đại và 3 đầu sách thơ hiện đại).

Ở đây, chỉ kể đầu sách nghĩa là chưa bao gồm rất nhiều những bài thơ, những truyện ngắn được dịch và công bố trên báo, tạp chí của Hàn Quốc cũng như được trích dẫn trong các sách tham khảo về văn học, văn hóa Việt Nam của các học giả.

Các tác phẩm nổi tiếng của văn học trung đại được dịch và xuất bản bao gồm: *Lĩnh Nam chích quái*, *Truyện kỳ mạn lục*, thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi, *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, *Lục Vân Tiên*.

Các tác giả hiện đại tiêu biểu được dịch và xuất bản sách bao gồm Hồ Chí Minh (*Nhật ký trong tù*, một số bài thơ chữ Hán và thơ tiếng Việt), Bảo Ninh (*Nỗi buồn chiến tranh*), Hồ Anh Thái (*Người đàn bà trên đảo*), Nguyễn Nhật Ánh (*Cho tôi xin một vé đi về tuổi thơ*), Nguyễn Ngọc Tư (*Cánh đồng bất tận*, một số truyện ngắn khác),... Bên cạnh đó, một số nhà văn tiêu biểu khác cũng đã được dịch và xuất bản trên báo, tạp chí như truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp (“Không có vua”, “Tướng về hưu”), Dạ Ngân; thơ của Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Phùng Quán, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Phạm Hồ, Giang Nam, Phạm Tiến Duật, Lê Anh Xuân, Nguyễn Duy, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Quang Thiều,...

Tóm lại, từ điểm khởi đầu (năm 1907) đến nay, những thành tựu nổi bật trong văn học Việt Nam cổ điển và hiện đại đã được giới thiệu qua một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Đề tài chiến tranh, cách mạng được quan tâm hơn cả: trong số 19 đầu sách về văn học hiện đại, 9 đầu sách liên quan đến đề tài này.

Những đầu sách có nhiều bản dịch khác nhau và được tái bản nhiều lần bao gồm: *Nhật ký trong tù* (3 bản dịch, in 7 lần); *Áo trắng* (3 bản dịch, in 4 lần); *Việt Nam vong*

---

quan của các học giả Việt Nam và Hàn Quốc cũng như CV của các học giả Hàn Quốc gửi cho chúng tôi.  
<sup>4</sup> Ấy là chưa kể 9 tác phẩm văn học - tôn giáo của Thích Nhất Hạnh (3 cuốn tiểu thuyết, 1 cuốn thơ, 1 cuốn ngụ ngôn, 2 cuốn tiểu thuyết cho thiếu nhi, 1 cuốn truyện tranh), 2 tác phẩm của nhà văn Việt kiều ở hải ngoại và 3 dịch phẩm có tính phức hợp, tương đối đặc thù. Xem thêm Phụ lục của Kim Joo Young 2018.

*quốc sử* (3 bản dịch, in 3 lần); *Nỗi buồn chiến tranh* (3 bản dịch, in 3 lần); *Truyện Kiều* (2 bản dịch, in 3 lần).

*Thứ hai, về nghiên cứu, có sự tăng trưởng hết sức ấn tượng, đặc biệt từ năm 2000.*

## **2. Đội ngũ và thành tựu nghiên cứu văn học Việt Nam của các học giả Hàn Quốc**

Các học giả Hàn Quốc nghiên cứu văn học Việt Nam có thể được nhận dạng trong hai nhóm rất rõ ràng: nhóm các học giả chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc và nhóm các học giả chuyên ngành Tiếng Việt và Việt Nam học. Hai nhóm này hình thành hai trường phái nghiên cứu, chia sẻ những đặc điểm chung đồng thời cũng mang những đặc trưng riêng biệt.

### **2.1. Các học giả chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc nghiên cứu văn học Việt Nam**

*Nhóm thứ nhất* bao gồm chủ yếu các nhà nghiên cứu là giáo sư của các khoa Ngữ văn Hàn Quốc (Korean Language and Literature) của các trường đại học lớn, uy tín của Hàn Quốc. Xuất phát từ nghiên cứu văn học cổ điển của dân tộc, họ triển khai các nghiên cứu văn học Hàn Quốc trong phối cảnh văn học khu vực (Đông Á) và văn học thế giới, do đó, thường nghiên cứu so sánh văn học bốn nước Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản. Khi quan hệ Hàn - Việt phát triển, do nhu cầu lịch sử và xã hội, các học giả này ngày càng quan tâm tìm hiểu, giới thiệu văn học Việt Nam và so sánh văn học Hàn - Việt.

#### ***Cho Dong Il***

Người tiên phong và cũng là học giả xuất sắc nhất của nhóm/trường phái này là GS Cho Dong Il (sinh năm 1939), người giảng dạy ở Đại học Yeungnam, Đại học Quốc gia Seoul (một trong ba đại học nổi tiếng nhất Hàn Quốc), Viện Nghiên cứu Trung ương Hàn Quốc cũng như nhiều đại học lớn của Nhật Bản, Trung Quốc, Pháp. GS Kim Ki Tae 2008 cho biết:

*“Giáo sư Cho Dong Il có cơ hội nghiên cứu văn học Việt Nam từ khi học tại Pháp, ở đây tác giả đã gặp nhiều học giả Việt Nam như Tạ Trọng Hiệp, Đặng Tiến, Phan Dân Bình, Nguyễn Phú Phong và có cơ hội tiếp cận văn học Việt Nam”.*

GS Cho không chỉ là học giả đầu tiên giới thiệu văn học Việt Nam trong bức tranh chung của các nền văn học Đông Nam Á qua sách *Nhập môn văn học các nước thế giới thứ ba* (1991), không chỉ là học giả công bố bài nghiên cứu so sánh Hàn - Việt sớm nhất về “Đặc thù của giao lưu văn học giữa Việt Nam và Hàn Quốc” (1992), nhấn mạnh tính đồng nhất giữa văn học hai nước, đi đến kết luận: “*Văn học chữ Hán của Việt Nam và Korea so với văn học chữ Hán của Nhật Bản về lượng và chất đều trội hơn và có đặc tính dân tộc rõ ràng hơn so với Nhật Bản*”<sup>5</sup>.

Trong sách *Nguyễn Trãi - nhà thơ số một của Việt Nam* (1992), GS Cho đã chú giải kỹ lưỡng cho các bản dịch sang tiếng Hàn của nhà Hán học Ji Jun Mo đối với 105 bài thơ chữ

<sup>5</sup> Dẫn lại theo Kim Ki Tae 2008.

Hán và 1 bài phú của Nguyễn Trãi. Chính GS Cho “dịch hai bài thơ của Trần Nguyên Đán (1320-1390) là ông ngoại của Nguyễn Trãi và hai bài thơ của Nguyễn Phi Khanh (1355?-1428) là thân sinh của Nguyễn Trãi trong cuốn sách trên”. Ông so sánh với Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương và nhận định rằng “*Nguyễn Trãi là nhà thơ lớn nhất Việt Nam*”<sup>6</sup>.

Quan trọng hơn rất nhiều, GS Cho Dong Il đã đưa ra quan điểm về “nền văn học sử dụng ngôn ngữ chung của một nền văn minh” (“the literature of the common language of a civilization”, mà ông gọi tắt là LCLC). Theo ông, có bốn ngôn ngữ văn chương chung trong những nền văn minh lớn của thế giới: (1) chữ Hán văn chương ở Đông Á; (2) chữ Sanskrit ở Nam và Đông Nam Á; (3) chữ Arab cổ điển ở Tây Á và châu Phi; (4) chữ Latin ở châu Âu. Ông khẳng định rằng:

*“Lịch sử của các nền văn học trung đại là lịch sử của LCLC. Thực tế rằng chủ nghĩa phổ quát của LCLC đóng cùng một vai trò hệ trọng trong tất cả các đơn vị chủng tộc của một nền văn minh là chung cho cả bốn nền văn minh. Cùng với LCLC ở tầng cao còn có những nền văn học phương ngữ ở tầng thấp”*<sup>7</sup>.

Do đó, theo GS Cho, chỉ có thể đánh giá chính xác, thấu đáo nền văn học Korea trong quan hệ với các nền văn học khác ở Đông Á, cùng thuộc khu vực văn minh Nho giáo và cùng sử dụng Hán tự, bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam. Ở hàng loạt chuyên khảo của mình:

- Chuyên khảo *A comparative study of East Asian Literary Histories (Nghiên cứu so sánh lịch sử các nền văn học Đông Á)*, 1993 [sách này có riêng một chương về “Historical Changes in the translation from Chinese Literature: A comparative study of Korean, Japanese and Vietnamese cases” (Những biến đổi lịch sử trong việc dịch văn học Trung Quốc: một nghiên cứu so sánh các trường hợp của Korea, Nhật Bản, Việt Nam)].

- Chuyên khảo *Patterns and Changes of Oral Epics in East Asia (Những kiểu thức và những biến đổi của sử thi truyền khẩu Đông Á)*, 1997 [trong đó phân tích những kiểu thức và những biến đổi của sử thi Việt Nam].

- Chuyên khảo *The Singularity and Diversity of East Asian Literature (Tính đơn nhất và đa dạng của văn học Đông Á)*, 1999.

- Chuyên khảo *Interrelated issues in Korean, East Asian and world literature (Những phương diện tương liên trong văn học Korea, văn học Đông Á và văn học thế giới)*, 2000.

- Chuyên khảo *A theory of East Asian Civilization (Một lý thuyết về Văn minh Đông Á)*, 2010.

<sup>6</sup> Dẫn lại theo Kim Ki Tae 2008.

<sup>7</sup> Cho Dong Il: “Toward a New Theory of the Periodization of the World Literary History”. *Korean Literature in Cultural Context and Comparative Perspective*. Jipmoondang Publishing Company 1997, tr.207-215.

Văn học cổ điển và văn học cận đại Việt Nam được GS Cho nghiên cứu trong so sánh với Trung Quốc, Korea, Nhật Bản, qua đó, làm sáng tỏ những đặc điểm chung có tính loại hình Đông Á và những đặc trưng riêng thể hiện bản sắc dân tộc. Ông tìm quy luật phát triển văn học trong quan hệ với văn minh và giải thích các đặc điểm, đặc trưng văn học từ các điều kiện lịch sử, xã hội, các nguồn ảnh hưởng triết học, mỹ học, tư duy nghệ thuật,...

Chuyên khảo *A comparative study of East Asian Literary Histories* của GS Cho Dong Il được dịch, xuất bản và được đánh giá cao ở Nhật Bản. Ông đã được nhận nhiều giải thưởng lớn của Hàn Quốc và thế giới, trong đó có Giải thưởng học thuật Fukuoka 2011. “*Không một học giả Hàn Quốc nào, dù đã có vị thế cao hay mới bắt đầu nghiên cứu văn học Hàn Quốc mà không chịu ảnh hưởng bởi Cho Dong Il*”<sup>8</sup>.

### **Park Hee Byung**

Park Hee Byung tốt nghiệp tiến sĩ ở Đại học Quốc gia Seoul (năm 1991) và sau đó giảng dạy Văn học Hàn Quốc cổ điển ở Đại học Sung Kyun Kwan rồi Đại học Quốc gia Seoul.

Kế sau tập thơ Nguyễn Trãi nói trên thì hai tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam được xuất bản cùng năm 2000 ở Hàn Quốc - *Truyện kỳ mạn lục* và *Lĩnh Nam chích quái* - đều do GS Park dịch và viết lời giới thiệu đầu sách. Park cũng là tác giả của bài viết “So sánh thực chất thẩm mỹ của tiểu thuyết truyền kỳ Korea, Trung Quốc, Việt Nam” qua bốn phương diện: tình, kết cấu, không gian - thời gian và nhân vật.

### **Choi Kwi Muk**

Đệ tử xuất sắc của GS Cho Dong Il là Choi Kwi Muk (sinh năm 1966), người lấy bằng tiến sĩ (chuyên ngành Văn học cổ điển Hàn Quốc) từ Đại học Quốc gia Seoul (năm 1997), giảng dạy ở Đại học Quốc gia Busan, Đại học Nữ Sookmyung và hiện nay ở Đại học Korea (một trong ba đại học nổi tiếng nhất Hàn Quốc).

Thơ chữ Hán của Phật hoàng Trần Nhân Tông là di sản văn học cổ điển Việt Nam đầu tiên mà GS Choi Kwi Muk tiếp xúc. Những bài thơ, ngay lập tức, đã hoàn toàn chinh phục ông về tầm cao tư tưởng, chiều sâu tâm hồn cũng như sự điều luyện, tinh tế của nghệ thuật thể hiện. Chính điều đó thôi thúc ông theo học Tiếng Việt tại Khoa Tiếng Việt, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội (trong năm học 1998-1999 khi ông sang giảng dạy Tiếng Hàn tại Khoa Đông phương học trường này), đồng thời, nỗ lực học Hán Nôm, quyết tâm vượt qua rào cản ngôn ngữ để có thể tìm hiểu sâu sắc, toàn diện văn học Việt Nam.

Năm 2004, bản dịch *Truyện Kiều* của GS Choi được xuất bản cùng năm với bản dịch *Truyện Kiều* của GS Ahn Kyong Hwan.

Kể đó, liên tục trong ba năm, GS Choi dồn công sức hoàn thành cuốn sách *Tìm hiểu văn học Việt Nam* khái quát tiến trình lịch sử, thành tựu, đặc điểm, ý nghĩa của văn học Việt

<sup>8</sup> Cho Dong Il [Academic Prize 2011] <http://fukuoka-prize.org/en/laureate/prize/acd/dongil.php>.

Nam, cả văn học dân gian lẫn văn học viết (văn học chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ) từ khởi thủy cho đến 1945, ở từng thời kỳ, từng giai đoạn, đi sâu vào những thể loại nổi bật, những tác gia, tác phẩm tiêu biểu. Sách được xuất bản năm 2010, tái bản năm 2016.

Do nhu cầu giảng dạy đại học và sau đại học, trực tiếp là ở Khoa Văn học và Ngôn ngữ, Trường Đại học Korea, một trong những cơ sở nghiên cứu và đào tạo ngữ văn uy tín hàng đầu ở Hàn Quốc, gần đây, giáo sư Choi Kwi Muk dành hơn một năm biên soạn giáo trình *Việt Nam qua cửa sổ văn học*. Cuốn sách được NXB Đại học Korea xuất bản tháng 8 năm 2017, tái bản ngay tháng 10 cùng năm. GS Choi đã tập trung vào những phương diện quan trọng trong lịch sử, văn hóa Việt Nam qua sự thể hiện của văn học. Ông cho rằng, một trong những đặc điểm quan trọng của văn học Việt Nam là sự phản ánh kinh nghiệm lịch sử của một dân tộc suốt trường kỳ thời gian phải đương đầu với bao thế lực ngoại xâm mạnh hơn mình gấp bội để bảo vệ độc lập tự do, một nền văn học đậm đà chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc. Các vấn đề văn học như Ngôn ngữ và văn tự, Thi ca và văn luật, Văn học kháng chiến, Văn chương đi sứ, Văn học cải biên và văn học dịch, Quá trình hiện đại hóa văn học, Văn học thời kỳ đổi mới,... đều được nhìn từ bản sắc dân tộc trong quá trình tiếp biến những ảnh hưởng ngoại nhập.

Kế tục hướng nghiên cứu của người thầy Cho Dong Il, gần 20 năm qua, GS Choi Kwi Muk đã nghiên cứu văn học Việt Nam trong phối cảnh văn học, văn minh Đông Á so sánh và đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành cũng như trong các hội thảo quốc tế nhiều nghiên cứu có giá trị, tiêu biểu như:

- Một nghiên cứu về kịch dân gian Việt Nam: Chèo (2 bài tạp chí, 1999, 2003).
- Nghiên cứu về thơ ca sử thi của người Mường: *Đẻ đất, đẻ nước* (2000).
- Một nghiên cứu về nhà thơ Việt Nam Hồ Xuân Hương (2001).
- Tổng quan văn học đi sứ Trung Hoa của Việt Nam và những xu hướng nghiên cứu từ trước đến nay (2011).

Đặc biệt là những bài nghiên cứu so sánh văn học Việt Nam và văn học Korea, hoặc văn học Việt Nam và văn học các nước Đông Á khác:

- Nghiên cứu so sánh thơ của các tăng sĩ Phật giáo trong nền văn minh Đông Á sử dụng Hán tự (2001).
- So sánh thế giới văn chương của đoàn thi của Korea, Nhật Bản và Việt Nam (2 bài tạp chí cùng xuất bản năm 2002).
- Quá trình hiện đại hóa văn học ở Đông Á: nghiên cứu trường hợp Thơ Mới (2004).
- *Đại Việt Sử ký toàn thư và Samguksagi*: Động năng của các tác phẩm sử ký trong sử học Việt Nam và Korea (2013).
- Thực trạng hiện nay và triển vọng tương lai trong nghiên cứu thơ xướng họa giữa Korea và Việt Nam (2013).

- Sự xuất hiện những thành tố điệu tính (thanh điệu) Trung Hoa trong thơ ca bản địa Nhật Bản và Việt Nam thời trung cổ (2015).

Đào tạo học viên cao học của Hàn Quốc nghiên cứu văn học Việt Nam, GS Choi Kwi Muk cũng chú ý cho hướng văn học so sánh. Hiện nay, hai học viên đang làm luận văn thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của GS Choi: cô Choi Bichnara nghiên cứu so sánh tiểu thuyết *Vô tình* của Lee Gwangsu và tiểu thuyết *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, cô Yoo Haein nghiên cứu so sánh Hồ Xuân Hương với các nhà thơ nữ trung đại của Korea.

### ***Kim Jae Yong***

Trong nhóm các học giả chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc quan tâm tìm hiểu văn học Việt Nam, chúng tôi muốn kể thêm một cái tên: Kim Jae Yong. Ông tốt nghiệp thạc sĩ (1988), tiến sĩ (1992) đều về chuyên ngành Văn học Hàn Quốc hiện đại, tại Khoa Ngữ văn Hàn Quốc, Đại học Yonsei (một trong ba đại học danh tiếng nhất Hàn Quốc), sau đó, trở thành giáo sư của Khoa Ngữ văn Hàn Quốc tại Đại học Wonkwang. Từ năm 2000 đến nay, GS Kim Jae Yong là Chủ tịch Diễn đàn Văn học Á-Phi-Mỹ Latinh và từ năm 2003 đến nay là Viện trưởng Viện Văn học Thế giới Toàn cầu (Institute of Global World Literature), Tổng biên tập Tạp chí *Văn học Thế giới Toàn cầu* (Global World Literature). GS Kim là chủ biên của *Tuyển tập truyện ngắn Việt Nam* (2011). Từ nhiều năm nay, ông chủ trì đề án nghiên cứu *Chiến tranh Việt Nam và văn học thế giới*. Ông cho rằng, nếu như thời trung đại, vùng văn minh Nho giáo và chữ Hán ảnh hưởng đến bốn nền văn học Đông Á thì thời hiện đại, chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam ảnh hưởng đến rất nhiều nền văn học trên thế giới. Vì vậy, với phối cảnh văn học thế giới toàn cầu, ông nghiên cứu không chỉ văn học hiện đại Hàn Quốc và Việt Nam mà nhiều nền văn học ở châu Á và các châu lục khác trong quan hệ với chiến tranh Việt Nam.

Như vậy, nhóm/trường phái thứ nhất bao gồm các học giả người Hàn không biết hoặc ít biết tiếng Việt. Văn học Việt Nam được họ dịch ra tiếng Hàn chủ yếu là những tác phẩm văn học chữ Hán nổi tiếng thời trung đại (thơ Nguyễn Trãi, *Truyện kỳ mạn lục*, *Lĩnh Nam chích quái*) mà họ có thể dễ dàng tiếp xúc do am hiểu Hán tự. Một số tác phẩm chữ Nôm hoặc văn học hiện đại thường được dịch từ hoặc với sự tham khảo một ngôn ngữ trung gian (như GS Cho Dong Il tiếp xúc một số tác phẩm văn học Việt Nam qua các bản dịch tiếng Pháp; GS Choi Kwi Muk, khi dịch *Truyện Kiều*, đã đối chiếu, tham khảo bản dịch tiếng Anh của Huỳnh Sanh Thông, bản dịch tiếng Pháp của Nguyễn Khắc Viện,...; GS Kim Jae Yong nhiều trường hợp đã tìm hiểu văn học hiện đại Việt Nam qua các bản dịch tiếng Anh). Các chuyên khảo, bài nghiên cứu của nhóm học giả này cũng tập trung chủ yếu về văn học chữ Hán thời trung đại, riêng Kim Jae Yong và các học giả Viện Văn học Thế giới Toàn cầu của ông thì quan tâm đề tài chiến tranh Việt Nam trong văn học hiện đại.

Những học giả tiêu biểu của nhóm này là các chuyên gia hàng đầu về văn học cổ điển Korea. Các công trình của họ có nền tảng lý luận vững vàng, triển khai nghiên cứu sâu sắc.

Hướng tiếp cận văn học - văn hóa, văn học - văn minh, phương pháp nghiên cứu so sánh được coi trọng, trong đó, không chỉ so sánh Korea - Việt Nam mà so sánh trong phối



cảnh khu vực (4 nước Đông Á: Trung Quốc - Korea - Việt Nam - Nhật Bản) để rút ra những quy luật chung của khu vực văn học, văn minh Đông Á, làm sáng tỏ bản sắc riêng của văn học, văn hóa Korea.

Đối với phần lớn các học giả đều là giáo sư chuyên ngành Văn học cổ điển Korea trong nhóm này, đối tượng nghiên cứu trọng tâm của họ, tất nhiên là văn học Korea và văn học Việt Nam chỉ là khách thể tham chiếu. Tuy nhiên, sau đó, vừa do sức hút nội dung và nghệ thuật của các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam vừa do nhu cầu học thuật cũng như nhu cầu xã hội ngày càng quan tâm văn học Việt Nam trong bối cảnh quan hệ hữu nghị Hàn - Việt phát triển nhanh chóng, một số học giả đã dần quan tâm nhiều hơn đối với văn học Việt Nam như một đối tượng có giá trị tự thân, qua cửa sổ văn học để tìm hiểu văn hóa Việt Nam.

Các học giả tiêu biểu của nhóm thứ nhất này là các giáo sư chuyên gia hàng đầu của các khoa Ngôn ngữ và Văn học Hàn Quốc thuộc nhóm ba trường đại học nổi tiếng nhất Hàn Quốc. Thành tựu giới thiệu và nghiên cứu văn học Việt Nam của họ đóng góp đối với đào tạo, nghiên cứu văn học ở những trường đại học hàng đầu của Hàn Quốc và qua đó phát huy ảnh hưởng trong giới nghiên cứu, phê bình văn học ở nước này.

## **2.2. Các học giả chuyên ngành Tiếng Việt và Việt Nam học nghiên cứu văn học Việt Nam**

Đội ngũ các học giả *nhóm/trường phái thứ hai* hình thành và phát triển gắn bó với sự hình thành và phát triển của các trường đại học giảng dạy Tiếng Việt và Việt Nam học.

Khoa Tiếng Việt đầu tiên được mở ở Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc (HUFS - Hankuk University of Foreign Studies) năm 1966 và bắt đầu khóa đào tạo sinh viên chính quy đầu tiên năm 1967. Do từ năm 1964 đến năm 1973, hơn 350.000 lính Hàn tham chiến trong chiến tranh Việt Nam nên việc giảng dạy tiếng Việt được quan tâm. Sau 1975, với sự sụp đổ của Việt Nam Cộng hòa, hoạt động giảng dạy Tiếng Việt ở HUFS bị gián đoạn một thời gian nhưng lại hồi sinh và phát triển từ năm 1992, khi quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc chính thức được thiết lập.

Tiếp theo HUFS, Khoa Tiếng Việt được thành lập ở Trường Đại học Ngoại ngữ Busan (BUFS - Busan University of Foreign Studies) năm 1991; tại Trường Đại học Ngoại ngữ Sungsim (năm 1998, đổi tên thành Đại học Youngsan) năm 1994; tại Trường Công nghiệp Chungnam (sau đổi tên thành Đại học Chungwoon) năm 1998.

Trở thành Trưởng khoa Tiếng Việt đầu tiên ở HUFS vào tháng 10 năm 1969, GS Kim Ki Tae, vốn được học khóa Tiếng Việt do cơ quan tình báo quân đội và trung ương mở, sau đó, học thêm hơn một năm rưỡi ở Đại học Văn khoa Sài Gòn và Đại học Sư phạm Sài Gòn từ năm 1968. GS Kim Ki Tae đã dịch ra tiếng Hàn 58 truyện thuyết Việt Nam, tập hợp thành sách nhan đề *Sự tích trầu cau* (in lần đầu năm 1984 và được tái bản 8 lần trong giai đoạn 1984-1999); dịch nhiều truyện cổ tích Việt Nam, giới thiệu cùng cổ tích các nước khác ở châu Á trong hai tuyển tập *I love Asia* và *Bọc truyện cổ Asia* (2007). Bên cạnh bài

giới thiệu đầu sách *Sự tích trâu cau* trình bày về đề tài và đặc điểm của truyền thuyết Việt Nam, ông còn có bài nghiên cứu “Suy nghĩ về thơ mới Việt Nam” (1972).

Trưởng khoa Tiếng Việt tiếp theo của HUFS là GS Cho Jae Hyun, vốn tốt nghiệp khóa đầu tiên của khoa này, sau đó, lấy bằng tiến sĩ về Chính trị học. Ông dịch và giới thiệu một số tác phẩm của Tự lực văn đoàn, thơ Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Thế Lữ và có bài nghiên cứu về Thơ Mới.

GS Ahn Kyung Hwan nhiều năm giảng dạy tiếng Việt tại Đại học Youngsan rồi Đại học Chosun cũng tốt nghiệp Khoa Tiếng Việt của HUFS, sau đó, lấy bằng thạc sĩ rồi tiến sĩ, chuyên ngành Ngôn ngữ, tại ĐH KHXH&NV TP HCM. GS Ahn đã dịch *Nhật ký trong tù* (2003, tái bản 2008, 2009, 2012), Thơ Hồ Chí Minh (bên cạnh 133 bài *Nhật ký trong tù*, dịch thêm 47 bài thơ chữ Hán, 25 bài thơ tiếng Việt, 2018), *Truyện Kiều* (2004, tái bản 2008), *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* (2008), *Những năm tháng không thể nào quên* của Võ Nguyên Giáp (2012). Ông không có công trình nghiên cứu văn học Việt Nam.

Ba giáo sư kể trên không chuyên ngành về Văn học nên chủ yếu đóng góp về dịch thuật.

Nhiều giáo sư kế tiếp họ đã lấy bằng tiến sĩ Văn học/Văn học so sánh với đề tài luận án về văn học Việt Nam nên có điều kiện hơn để không chỉ dịch thuật mà còn nghiên cứu văn học Việt Nam.

### ***Jeon Hye Kyung***

Nữ giáo sư Jeon Hye Kyung (sinh năm 1954) nhiều năm giảng dạy và làm Trưởng khoa Tiếng Việt của HUFS sau GS Cho Jae Hyun. Bà lấy bằng thạc sĩ với luận văn *Nghiên cứu so sánh truyện cổ tích của Hàn Quốc và Việt Nam*, lấy bằng tiến sĩ với luận án *Nghiên cứu so sánh tiểu thuyết truyền kỳ Hàn Quốc, Trung Quốc và Việt Nam - qua so sánh Kim Ngao tân thoại, Tiễn Đãng tân thoại và Truyền kỳ mạn lục*, tại Đại học Soongsil, chuyên ngành Văn học so sánh. Bà đã dịch *Dế mèn phiêu lưu ký* của Tô Hoài (1987, tái bản với sự bổ sung bản dịch hai truyện ngắn nữa của Tô Hoài, 2008), *Truyện cổ tích Việt Nam về động vật* (2012), *Truyện cổ tích Việt Nam về con người* (2013), *Truyện cổ tích Việt Nam về thực vật* (2013), *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu (2017).

Phần lớn công trình của GS Jeon Hye Kyung về văn học so sánh, chủ yếu bao gồm so sánh truyền kỳ Trung Quốc - Korea - Việt Nam; so sánh truyện cổ tích Korea - Việt Nam, nhìn chung, là sự phát triển từ luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ của bà:

- *Nghiên cứu so sánh tiểu thuyết truyền kỳ Hàn - Trung - Việt* (1 chuyên khảo tiếng Việt xuất bản ở Việt Nam 2004; 7 bài tạp chí xuất bản ở Hàn Quốc 1992, 2000, 2001, 2006; 4 bài tạp chí xuất bản ở Việt Nam 1995, 2005; 2006).

- *Nghiên cứu so sánh truyện cổ Hàn - Việt* (1 chuyên khảo tiếng Việt xuất bản ở Việt Nam 2004; 6 bài tạp chí xuất bản ở Hàn Quốc 1992, 1995, 2002, 2007, 2015; 5 bài tạp chí xuất bản ở Việt Nam 1995, 2009, 2014).

Chỉ có một bài nghiên cứu so sánh Hàn - Việt là có đề tài khác với đề tài luận văn/luận án của bà:

- Văn học cận đại Việt Nam - từ quan điểm so sánh lịch sử Văn học Đông Á (2003).

Bên cạnh đó là một số bài viết giới thiệu khái quát một giai đoạn văn học hay một bộ phận, một khuynh hướng văn học Việt Nam.

- Trào lưu văn học Việt Nam (1997).

- Văn học Chữ Nôm - giai đoạn thế kỷ XVIII-XIX (1998).

- Đặc điểm văn học Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX (1998).

- Quá trình phát triển của văn học và xã hội Việt Nam (2000).

- Văn học chữ Hán Việt Nam (2004).

- Quá trình phát triển ý thức của người phụ nữ Việt trong các tác phẩm văn học Việt Nam (2016).

Ngoài ra, là một vài bài giới thiệu tác giả văn học Việt Nam:

- Xuân Diệu, cây đại thụ của dòng thơ lãng mạn Việt Nam (2000).

- Nghiên cứu tác giả châu Á - Lê Minh Hà của Việt Nam (2013).

### ***Bae Yang Soo***

GS Bae Yang Soo (sinh năm 1959), cũng vốn là sinh viên (tốt nghiệp thủ khoa) Khoa Tiếng Việt của HUFS, lấy bằng tiến sĩ Văn học tại Đại học Sư phạm Hà Nội (với luận án *So sánh Truyện Kiều và Truyện Xuân Hương*). Ông giảng dạy và nhiều năm làm Trưởng khoa Khoa Tiếng Việt của Đại học Ngoại ngữ Busan (BUFS).

Các sách dịch đã xuất bản của ông bao gồm: *Chinh phụ ngâm khúc* của Đoàn Thị Điểm (2003); *Áo trắng* của Nguyễn Văn Bông (tên trong bản tiếng Hàn là *Áo dài trắng*, 2006); *Thời của thánh thần* của Hoàng Minh Tường (tên trong bản tiếng Hàn là *Thi sĩ sang sông*, 2015). Bên cạnh đó, ông dịch một số truyện ngắn của Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh,...; thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Phùng Quán, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Hồng, Phạm Hồ, Vũ Cao, Giang Nam, Phạm Tiến Duật, Lê Anh Xuân, Nguyễn Duy, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Vi Thùy Linh,... đăng trên các tạp chí.

Nhiều bài nghiên cứu của GS Bae cũng là sự phát triển từ luận án tiến sĩ của ông, xoay quanh so sánh *Truyện Kiều* của Việt Nam với *Truyện Xuân Hương*, tác phẩm quốc bảo của Hàn Quốc cũng như sự giới thiệu và tiếp nhận *Truyện Xuân Hương* ở Việt Nam: 7 bài in tạp chí Hàn Quốc (1974, 1996, 1999, 2000, 2002, 2006) và 3 bài in tạp chí Việt Nam (1995, 2000, 2001).

Những bài báo khác, chỉ có 1 bài về văn học trung đại [“Khảo sát về thơ Nôm đường luật của Việt Nam” (1996)], còn lại đều về văn học hiện đại và nhất là văn học đương đại:

- Xuân Diệu - Hoàng tử thơ tình Việt Nam (1996).

- Những cuộc tranh luận văn học Việt Nam (2005).
- Sự biến chuyển quan niệm trong tiểu thuyết Việt Nam sau Đổi mới (1998).
- Việt Nam qua các tác phẩm văn chương (2002).
- Bi kịch kinh tế thị trường qua truyện ngắn Việt Nam (2003, 2005).
- Nghiên cứu cuộc tranh luận về *Cơ hội của Chúa* của Nguyễn Việt Hà (2010).

GS Bae chưa xuất bản sách chuyên khảo về văn học Việt Nam trong khi đã xuất bản rất nhiều giáo trình Tiếng Việt. Tuy nhiên, trong một vài cuốn sách tham khảo về/liên quan văn hóa, lịch sử Việt Nam, như *Vẻ đẹp văn hóa Việt Nam* (2018), *Hiểu biết Đông Nam Á thông qua các nhà lãnh đạo vĩ đại* (2017), ông có phần riêng để giới thiệu văn học Việt Nam như một thành tố văn hóa hoặc dựa vào tư liệu văn học để trình bày về văn hóa, lịch sử Việt Nam.

### **Park Yeon Kwan**

Cũng là sinh viên Khoa Tiếng Việt của HUFVS, sau khi lấy bằng thạc sĩ (với luận văn *Một số cấu trúc nghệ thuật truyền thống của truyện cổ tích thần kỳ người Việt*) và lấy bằng tiến sĩ năm 2002 (với luận án *Nghiên cứu so sánh một số type truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc*) tại ĐH KHXH&NV Hà Nội, GS Park Yeon Kwan trở thành Trưởng khoa Tiếng Việt của Đại học Chungwoon và hiện nay giảng dạy Tiếng Việt tại Cyber Hankuk University of Foreign Studies (trường đại học Số thuộc HUFVS). Ông đã công bố một vài bài báo liên quan đề tài luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ của mình.

### **Kang Hana**

Nữ tiến sĩ Kang Hana cũng học Tiếng Việt tại HUFVS, sau đó, lấy bằng thạc sĩ Văn học tại Đại học Sư phạm Hà Nội (với luận văn *Những điểm gặp gỡ giữa nhà truyện ngắn hiện thực Hàn Quốc Hyun Jin Geon và ba nhà truyện ngắn hiện thực Việt Nam: Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Nam Cao*) và lấy bằng tiến sĩ Văn học so sánh tại Kankuk University of Foreign Studies, Hàn Quốc (với luận án *A comparative study on Korean and Vietnamese Novels of Manners - Focusing on Park Taewon's Chun Byun Poong Kyung and To Hoai's Que Ngoai*). Cô đã giảng dạy văn học Việt Nam tại HUFVS (năm 2002 và 2006), dạy Tiếng Việt tại Đại học Chungwoon, Đại học Woosong và hiện nay giảng dạy tại Cyber Hankuk University of Foreign Studies (trường đại học Số thuộc HUFVS).

Ngoài ra, có thể kể **Ha Jae Hong** (sinh năm 1968), học tiếng Việt và lấy bằng thạc sĩ Văn học (năm 2005, với luận văn *Tính hiện thực trong một số tác phẩm văn học của Việt Nam và Hàn Quốc về chiến tranh Việt Nam*) tại Trường ĐH KHXH&NV TP HCM. Ha Jae Hong đã công bố một số bài nghiên cứu liên quan đề tài luận văn:

- So sánh *Đất trắng* của Nguyễn Trọng Oánh và *Cái bóng của vũ khí* của Hwang Seok Young - hai tác phẩm văn học tiêu biểu của Việt Nam và Hàn Quốc viết về chiến tranh Việt Nam (2009).

- Thử tìm hiểu nhân vật người chiến sĩ trong tác phẩm *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu (2009).

Và xuất bản khá nhiều tác phẩm dịch văn học Việt Nam như *Nếu anh còn được sống* của Văn Lê (2002), *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư (2007), *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh (2012), *Bến đò xóm Miếu (Cánh đồng bất tận + 6 truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, 2017)*. Qua bản dịch của Ha, tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* đã đem lại cho Bảo Ninh Giải thưởng Simhun (2016) và Giải thưởng Văn học Châu Á tại Hàn Quốc (2018).

Có thể thấy, các học giả tiêu biểu của nhóm/trường phái thứ hai đều học/tốt nghiệp Cử nhân Tiếng Việt tại HUFVS (trường đại học số một Hàn Quốc về đào tạo Tiếng Việt), đều lấy bằng tiến sĩ về một chuyên ngành liên quan Việt Nam học rồi trở thành giáo sư giảng dạy tại các khoa Tiếng Việt của các đại học có tiếng của Hàn Quốc. Họ có nhiều đóng góp quan trọng trong việc dịch văn học Việt Nam, trong đó, có một số tác phẩm chữ Nôm nổi tiếng trong văn học trung đại Việt Nam (*Chinh phụ ngâm khúc* của Đoàn Thị Điểm, *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu), còn lại chủ yếu là các tác phẩm văn học dân gian và văn học hiện đại được viết bằng chữ Quốc ngữ Latinh. Các nghiên cứu của học giả nhóm này cũng là về văn học chữ Nôm và nhiều hơn, về văn học dân gian, văn học hiện đại Việt Nam.

Những học giả có đóng góp quan trọng trong nghiên cứu đều lấy bằng tiến sĩ chuyên ngành Văn học hoặc Văn học so sánh, với đề tài luận án về văn học Việt Nam hoặc so sánh văn học Việt Nam và văn học Hàn Quốc. Ngoại trừ đề tài về truyền kỳ của GS Jeon Hye Kyung là so sánh bộ ba Trung Quốc - Korea - Việt Nam, còn lại các nghiên cứu so sánh khác đều là so sánh cặp đôi Việt Nam - Korea. Trong đó, văn học Việt Nam là đối tượng nghiên cứu chính của các học giả nhóm này, văn học Hàn Quốc là đối tượng tham chiếu để làm rõ đặc điểm của văn học Việt Nam.

Ngay cả những người lấy bằng tiến sĩ chuyên ngành Văn học thì trong chương trình đào tạo Tiếng Việt của các khoa Tiếng Việt mà họ giảng dạy, văn học Việt Nam chỉ là môn học bổ trợ cho kiến thức chuyên ngành Tiếng Việt. Bản thân các giáo sư này cũng chủ yếu dạy Tiếng Việt. Do đó, những bài viết nghiên cứu văn học Việt Nam của họ cũng thường sẽ chụm về phục vụ cho mục tiêu giảng dạy Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam. Khá nhiều học giả chuyển dần qua viết và xuất bản các bài viết, giáo trình, sách tham khảo Tiếng Việt, Văn hóa Việt Nam. Ngay cả những bài về đề tài văn học Việt Nam cũng dần được ưu tiên hướng liên ngành (văn học được tiếp cận như tư liệu để hiểu biết lịch sử, xã hội, văn hóa Việt Nam) và theo hướng văn học ứng dụng [Applied Literature]. Chẳng hạn, GS Jeon Hye Kyung có nhiều tác phẩm dịch và nhiều bài nghiên cứu/chuyên khảo so sánh truyện cổ tích hai nước vì theo bà, một mặt, truyện cổ tích là nguồn bài đọc tốt cho sinh viên Khoa Tiếng Việt nâng cao khả năng ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa Việt Nam, mặt khác, đó là những sách đọc có thể dành cho những bà mẹ Việt cùng con cái của họ trong những gia đình Việt - Hàn (hiện nay, có khoảng 70.000 phụ nữ Việt Nam kết hôn với người đàn ông Hàn Quốc, kéo theo đó là số lượng lớn trẻ em đa văn hóa). Tương tự như vậy, những bài nghiên cứu

của GS Bae Yang Soo về sự phản ánh bước chuyển sang kinh tế thị trường trong văn học Việt Nam có thể cung cấp những gợi ý hữu ích cho các doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (mà hiện nay con số đã lên tới gần 7.000). Nếu cả về dịch thuật lẫn nghiên cứu, Ha Jae Hong quan tâm văn học Việt Nam gắn với cuộc kháng chiến chống Mỹ thì điều này không phải không liên quan với nhu cầu hàn gắn vết thương chiến tranh do sự tham gia của hơn 350.000 lính Hàn ở chiến trường Nam Trung Bộ và Nam Bộ trong gần 10 năm. Với thời gian, các học giả nhóm này nhìn chung ngày càng có khuynh hướng về những giáo trình, sách tham khảo văn hóa học văn học hơn là những chuyên khảo nghiên cứu văn học Việt Nam nhiều ý nghĩa lý luận.

Các học giả tiêu biểu của nhóm thứ hai chiếm tỉ lệ khá thuyết phục trong các nhà Việt Nam học người Hàn Quốc tại các trường đại học đào tạo Tiếng Việt ở Hàn Quốc, nên nhìn chung, phát huy ảnh hưởng quan trọng trong nghiên cứu và đào tạo của giới học thuật này.

## KẾT LUẬN

Mặc dù đã tăng trưởng đáng kể trong khoảng 25 năm qua từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, nhưng thành tựu dịch thuật, giới thiệu và nghiên cứu văn học Việt Nam tại Hàn Quốc còn hết sức khiêm tốn so với thành tựu nghiên cứu các nền văn học Đông Á khác (như Trung Quốc, Nhật Bản) ở nước này. Tuy nhiên, văn học Việt Nam đã được các học giả Hàn Quốc quan tâm dịch thuật, nghiên cứu nhiều hơn đáng kể so với các nền văn học Đông Nam Á còn lại.

Cùng góp phần dịch thuật, nghiên cứu văn học Việt Nam, hai nhóm/hai trường phái trong đội ngũ học giả Hàn Quốc (bao gồm nhóm các học giả chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc và nhóm các học giả chuyên ngành Tiếng Việt/Việt Nam học) có những đặc điểm rất khác biệt về mục đích, đối tượng, phạm vi cũng như hướng tiếp cận, phương pháp nghiên cứu. Mỗi nhóm/trường phái có những đóng góp riêng, những điểm mạnh đồng thời những hạn chế riêng.

Từ điểm nhìn Việt Nam, theo chúng tôi, để tăng cường dịch thuật, giới thiệu tác phẩm văn học Việt Nam, nhất là văn học chữ Nôm thời trung đại và văn học dân gian và văn học hiện đại sử dụng chữ Quốc ngữ Latinh, chúng ta cần quan tâm hợp tác với nhóm các học giả chuyên ngành Tiếng Việt/Việt Nam học. Còn để tăng cường nghiên cứu, giảng dạy văn học chữ Hán trung đại Việt Nam trong quan hệ so sánh với văn học Korea nói riêng và trong phối cảnh khu vực với các nền văn học Đông Á nói chung cũng như để tăng cường nghiên cứu văn học hiện đại Việt Nam trong quan hệ với các nền văn học khu vực và thế giới, chúng ta cần quan tâm hợp tác với nhóm các học giả chuyên ngành Ngữ văn Hàn Quốc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ahn Kyong Hwan (2019), “Việc biên dịch ra tiếng Hàn của văn học Việt Nam”, Báo *Văn nghệ*, 18/2/2019, <http://baovannghes.com.vn/fcviets-1-2-18795.html>.

2. Bae Yang Soo (2007), “Giới thiệu về giao lưu ấn phẩm Việt - Hàn”, Hội thảo của Hội Nhà văn Việt Nam.
3. Choi Hana (2011), “Tình hình nghiên cứu Việt Nam tại Hàn Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 2/2011.
4. Kim Joo Young (2014), “Giao tiếp liên văn hóa và giao lưu phiên dịch văn học giữa Hàn Quốc và Việt Nam”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, 1 (503).
5. Kim Joo Young (2017), “Những đặc điểm và triển vọng của giao lưu phiên dịch tác phẩm văn học giữa Việt Nam và Hàn Quốc”, Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, 1 (539).
6. Kim Joo Young (2018), *Dịch văn học nhìn từ góc độ giao lưu văn hóa và lý thuyết giao tiếp (Khảo sát một số tác phẩm văn học Việt Nam và Hàn Quốc)*, Luận án tiến sĩ Khoa học Ngữ văn (bản thảo bảo vệ Hội đồng cấp chuyên môn), Trường ĐH KHXH&NV TP HCM.
7. Kim Ki Tae (2008), “Tình hình nghiên cứu văn học Việt Nam ở Hàn Quốc”, <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/vhvn-nhung-van-de-chung/195-kim-ki-tae-tinh-hinh-nghien-cuu-van-hoc-viet-nam-o-han-quoc.html>.
8. Nguyễn Văn Hoàn (2015), “*Truyện Kiều* trên đất nước của *Truyện Xuân Hương*”, <https://www.nguyendu.com.vn/vi/truyen-kieu-tren-dat-nuoc-cua-truyen-xuan-huong-F8A7A0FDA3C1568198650C0B363F67C3.html>.
9. Phan Thị Thu Hiền (2011), “Dịch văn học và văn học dịch Hàn Quốc nhìn từ Việt Nam trong phôi cảnh so sánh”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Dịch văn học và văn học dịch Hàn Quốc ở châu Á*, Viện Dịch thuật Văn học Hàn Quốc.
10. Phan Thị Thu Hiền (2017), *Văn học cổ điển Hàn Quốc - Tiến trình và bản sắc*, NXB Khoa học xã hội.
11. Phan Thị Thu Hiền (2018), “Một tấm lòng với văn học Việt Nam”, <https://vov.vn/van-hoa/van-hoc/mot-tam-long-voi-van-hoc-viet-nam-774383.vov>.
12. Phan Thị Thu Hiền (2018), “Chuyện về một giáo sư Hàn Quốc tâm huyết với vẻ đẹp văn hóa Việt”, <https://vov.vn/van-hoa/van-hoc/chuyen-ve-mot-giao-su-han-quoc-tam-huyet-voi-ve-dep-van-hoa-viet-750245.vov>.